

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: **Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam**

Mã chứng khoán: TYA

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại: 0251-3836361-4

Fax: 0251-3836388

Người thực hiện công bố thông tin: Linh Thin Pau

Chức vụ: Trưởng phòng quản lý chứng khoán

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24 giờ theo yêu cầu:

Nội dung thông tin công bố:

Giải trình và Báo cáo tài chính bán niên kiểm toán năm 2017-Tổng hợp chênh lệch số liệu so với báo cáo quý 2 năm 2017 trước kiểm toán.

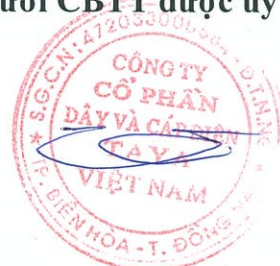
Toàn bộ nội dung CBTT này được đăng tải trên Website của công ty từ ngày 11 tháng 08 năm 2017 tại địa chỉ: www.taya.com.vn mục quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Người CBTT được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu vp



LINH THIN PAU

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên kiểm toán năm 2017-Tổng hợp.

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM

(Giải trình BCTC kiểm toán bán niên năm 2017–Tổng hợp)

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam giải trình Báo cáo tài chính bán niên tổng hợp kiểm toán năm 2017 chênh lệch số liệu so với báo cáo quý 2/2017 trước kiểm toán như sau:

1. So sánh chênh lệch số liệu:

DVT: VNĐ

Nội dung	Số liệu kiểm toán	Số liệu tự quyết	Tăng/giảm so với kiểm toán
Bảng cân đối kế toán			
Phải thu ngắn hạn khách hàng(131)	205.843.160.230	244.959.247.300	-38.976.087.070
Thuế và các khoản khác phải thu NN (153)	158.263	-	158.263
Giá trị hao mòn lũy kế(223)	(369.747.793.467)	(369.747.793.717)	250
Tài sản thuế TNDN hoãn lại(262)	341.756.315	1.363.475.902	-1.021.719.587
Người mua trả tiền trước(312)	16.917.037.443	55.893.124.513	-38.976.087.070
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (313)	3.462.746.522	3.462.588.259	158.263
Phải trả ngắn hạn khác (319)	37.041.768.208	225.069.808	36.816.698.400
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (421a)	44.406.671.488	81.223.369.888	-36.816.698.400
Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này (421b)	27.861.305.387	28.883.024.724	-1.021.719.837
Bảng lãi lỗ			
Giá vốn hàng bán	619.213.226.050	619.213.226.300	-250
Doanh thu hoạt động tài chính	7.305.818.712	5.573.202.335	1.732.616.377
Chi phí tài chính	7.273.056.071	5.540.439.694	1.732.616.377
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.021.719.587	-	1.021.719.587
Lợi nhuận sau thuế	27.861.305.387	28.883.024.724	-1.021.719.337

2. Giải trình cụ thể:

Bảng cân đối kế toán



- Đơn vị kiểm toán điều chỉnh giảm Phải thu ngắn hạn khách hàng(131) 38.976.087.070 đồng tương ứng với giảm Người mua trả tiền trước (312) 38.976.087.070 đồng. Điều chỉnh tăng Giá trị hao mòn lũy kế(223) 250 đồng làm giảm Giá vốn hàng bán 250 đồng. Đơn vị kiểm toán điều chỉnh tăng Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (153) 158.263 đồng ảnh hưởng tăng Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước(313) 158.263 đồng. Điều chỉnh tăng Phải trả ngắn hạn khác(319) 36.816.698.400 đồng tương ứng với giảm Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (421a) 36.816.698.400 đồng. Đơn vị kiểm toán điều chỉnh giảm Tài sản thuế TNDN hoãn lại(262) 1.021.719.587 đồng và trích lập đến Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại 1.021.719.587 đồng và điều chỉnh giảm Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này(421b) 1.021.719.837 đồng (1.021.719.587 đồng+250 đồng).

Do điều chỉnh và phân loại lại các số liệu nêu trên đã ảnh hưởng làm thay đổi các số liệu khác trong Bảng cân đối kế toán.

Bảng lãi lỗ

Đơn vị kiểm toán điều chỉnh tăng Doanh thu hoạt động tài chính 1.732.616.377 đồng làm tăng Chi phí tài chính 1.732.616.377 đồng. Do điều chỉnh tăng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đã ảnh hưởng lợi nhuận sau thuế giảm 1.021.719.337 đồng.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán do ảnh hưởng bởi những điều chỉnh và thay đổi số liệu nêu trên, một vài số liệu tại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng được điều chỉnh, phân loại và trình bày lại nhưng không làm thay đổi số dư cuối kỳ.

Trân trọng và kính chào!

Đồng Nai, ngày 11 tháng 08 năm 2017

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Tổng giám đốc



Wang Ting Shu





**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya
(Việt Nam)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	
	414/GPĐC1-BKH-KCN-DN	
414/GPĐC2-BKH-KCN-DN		ngày 23 tháng 6 năm 2003
414/GPĐC3-BKH-KCN-DN		ngày 7 tháng 5 năm 2004
414/GCNĐC2/47/2		ngày 6 tháng 9 năm 2007
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp		
Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
	472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
	472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
	472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
	9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
	9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp		
Giấy phép Đầu tư và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.		
Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
	Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch
	Ông Shen Shang Hung	Thành viên
	Ông Shen San Yi	Thành viên
	Ông Wang Ting Shu	Thành viên
	Ông Tsai Chung Cheng	Thành viên
Ông Tu Ting Jui	Thành viên	
Ban Tổng Giám đốc	Ông Wang Ting Shu	Tổng Giám đốc
	Ông Hsu Ching Yao	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Khu Công nghiệp Biên Hòa II
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Chi nhánh Xã Cẩm Điền
Huyện Cẩm Giàng
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 8 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-294




Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		783.704.597.634	608.400.552.029
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	157.784.620.602	194.077.470.840
Tiền	111		41.539.620.602	30.682.470.840
Các khoản tương đương tiền	112		116.245.000.000	163.395.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	40.800.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	30.000.000.000	40.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		211.186.919.020	186.414.426.161
Phải thu của khách hàng	131	6	205.983.160.230	186.144.063.171
Trả trước cho người bán	132		1.371.272.420	282.512.420
Phải thu khác	136		5.288.907.658	1.435.743.858
Dự phòng phải thu khó đòi	137	6	(1.456.421.288)	(1.447.893.288)
Hàng tồn kho	140	7	355.958.241.311	178.597.770.283
Hàng tồn kho	141		356.520.303.500	180.896.827.158
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(562.062.189)	(2.299.056.875)
Tài sản ngắn hạn khác	150		28.774.816.701	8.510.884.745
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	2.837.691.935	1.109.532.934
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14(a)	25.709.072.676	6.559.010.620
Thuế phải thu Nhà nước	153	14(b)	158.263	226.488.693
Tài sản ngắn hạn khác	155		227.893.827	615.852.498
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		104.552.390.149	108.967.772.315
Tài sản cố định	220		98.085.793.481	95.704.429.079
Tài sản cố định hữu hình	221	8	98.066.893.481	95.628.829.079
Nguyên giá	222		467.814.686.948	457.577.708.786
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(369.747.793.467)	(361.948.879.707)
Tài sản cố định vô hình	227	9	18.900.000	75.600.000
Nguyên giá	228		567.000.000	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(548.100.000)	(491.400.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.078.757.636	8.815.448.752
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	3.078.757.636	8.815.448.752
Tài sản dài hạn khác	260		3.387.839.032	4.447.894.484
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	3.046.082.717	3.084.418.582
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	341.756.315	1.363.475.902
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		888.256.987.783	717.368.324.344

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		464.303.559.693	283.215.134.512
Nợ ngắn hạn	310		464.303.559.693	283.215.134.512
Phải trả người bán	311	13	180.497.255.384	94.485.239.681
Người mua trả tiền trước	312		16.917.037.443	10.977.011.759
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14(c)	3.462.746.522	931.735.136
Phải trả người lao động	314		5.523.295.256	7.910.757.520
Chi phí phải trả	315	15	964.456.880	1.128.063.392
Phải trả khác	319	16	37.041.768.208	177.327.024
Vay ngắn hạn	320	17	219.897.000.000	167.605.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		423.953.428.090	434.153.189.832
Vốn chủ sở hữu	410	18	423.953.428.090	434.153.189.832
Vốn cổ phần	411	19	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	19	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	21	45.058.840.578	37.739.024.524
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		72.267.976.875	89.787.554.671
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		44.406.671.488	40.988.780.976
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		27.861.305.387	48.798.773.695
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		888.256.987.783	717.368.324.344

Ngày 8 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Su Yu Chun
 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	681.303.667.913	624.291.026.685
Giá vốn hàng bán	11	24	619.213.226.050	556.559.489.903
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		62.090.441.863	67.731.536.782
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	7.305.818.712	8.111.149.612
Chi phí tài chính	22	26	7.273.056.071	4.125.904.887
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.030.322.002	2.635.061.743
Chi phí bán hàng	25		11.564.316.016	11.522.400.777
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		15.818.689.590	15.111.794.791
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		34.740.198.898	45.082.585.939
Thu nhập khác	31		30.678.612	27.736.502
Chi phí khác	32		712.531.140	16.149.746
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(681.852.528)	11.586.756
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		34.058.346.370	45.094.172.695
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	5.175.321.396	7.878.535.851
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	1.021.719.587	263.701.087
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		27.861.305.387	36.951.935.757
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	908	1.204

Ngày 8 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Su Yu Chun
 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu
 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	34.058.346.370	45.094.172.695
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	8.344.093.760	8.509.303.851
Các khoản dự phòng	03	(1.728.466.686)	(191.441.856)
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	527.694.723	(1.541.413.549)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(4.385.854.735)	(4.972.511.749)
Chi phí lãi vay	06	4.030.322.002	2.635.061.743
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	40.846.135.434	49.533.171.135
Biến động các khoản phải thu	09	(42.805.340.244)	39.626.891.327
Biến động hàng tồn kho	10	(175.623.476.342)	9.485.660.507
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	88.229.660.873	(35.741.553.148)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.689.823.136)	(1.167.104.789)
		(91.042.843.415)	61.737.065.032
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.021.456.891)	(2.691.106.873)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.033.273.415)	(11.194.752.898)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.244.368.729)	(1.593.734.420)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(98.341.942.450)	46.257.470.841

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(6.137.767.046)	(5.062.390.269)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		20.000.000	15.500.000
Tiền chi gửi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		(30.000.000.000)	(800.000.000)
Tiền thu từ rút các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24		40.800.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		5.108.459.258	4.984.418.560
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.790.692.212	(862.471.709)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		288.426.400.000	159.708.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34		(236.168.000.000)	(168.877.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		52.258.400.000	(9.169.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(36.292.850.238)	36.225.499.132
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		194.077.470.840	234.551.637.935
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	157.784.620.602	270.777.137.067

Ngày 8 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Su Yu Chun
Su Yu Chun
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu
Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là thương mại, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 446 nhân viên (1/1/2017: 442 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) *Phí hội viên câu lạc bộ golf*

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

(ii) *Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị của khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là thương mại, sản xuất và kinh doanh dây cáp điện và chủ yếu trong một vùng địa lý là Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan đề cập tới các cổ đông và công ty mẹ cấp cao, các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.198.019.600	1.189.777.100
Tiền gửi ngân hàng	40.341.601.002	29.492.693.740
Các khoản tương đương tiền	116.245.000.000	163.395.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	157.784.620.602	194.077.470.840

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	30.000.000.000	40.800.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi. Thời gian đáo hạn còn lại của các khoản tiền gửi này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là dưới 12 tháng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Điện tử Nec Tokin Việt Nam	35.631.229.367	27.059.037.284
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	44.441.145.759	26.218.479.533
Các khách hàng khác	125.910.785.104	132.866.546.354
	205.983.160.230	186.144.063.171

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	1.447.893.288	1.496.573.288
Tăng dự phòng trong kỳ	8.528.000	21.320.000
	1.456.421.288	1.517.893.288

7. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	76.509.022.738	-	59.101.823.176	-
Nguyên vật liệu	45.367.760.200	-	27.398.970.829	-
Sản phẩm dở dang	49.486.808.514	-	4.867.319.073	(130.314.902)
Thành phẩm	185.156.712.048	(562.062.189)	89.528.714.080	(2.168.741.973)
	356.520.303.500	(562.062.189)	180.896.827.158	(2.299.056.875)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 54,52 tỷ VND (1/1/2017: 27,54 tỷ VND) giá trị thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	2.299.056.875	940.677.955
Tăng dự phòng trong kỳ	-	460.889.189
Hoàn nhập	(1.736.994.686)	(673.651.045)
Số dư cuối kỳ	<u>562.062.189</u>	<u>727.916.099</u>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	145.764.351.136	289.444.268.456	11.573.666.809	3.595.325.789	7.200.096.596	457.577.708.786
Tăng trong kỳ	-	463.000.000	-	92.727.273	-	555.727.273
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	9.107.097.070	828.827.273	-	233.806.546	10.169.730.889
Thanh lý	-	(488.480.000)	-	-	-	(488.480.000)
Số dư cuối kỳ	145.764.351.136	298.525.885.526	12.402.494.082	3.688.053.062	7.433.903.142	467.814.686.948
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	89.442.585.386	254.068.545.720	8.250.533.011	3.283.417.685	6.903.797.905	361.948.879.707
Khấu hao trong kỳ	2.476.172.225	5.339.255.905	370.865.496	55.203.264	45.896.870	8.287.393.760
Thanh lý	-	(488.480.000)	-	-	-	(488.480.000)
Số dư cuối kỳ	91.918.757.611	258.919.321.625	8.621.398.507	3.338.620.949	6.949.694.775	369.747.793.467
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	56.321.765.750	35.375.722.736	3.323.133.798	311.908.104	296.298.691	95.628.829.079
Số dư cuối kỳ	53.845.593.525	39.606.563.901	3.781.095.575	349.432.113	484.208.367	98.066.893.481

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố nguyên giá 266,73 tỷ VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 233,89 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	491.400.000
Khấu hao trong kỳ	56.700.000
Số dư cuối kỳ	548.100.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	75.600.000
Số dư cuối kỳ	18.900.000

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	8.815.448.752	7.467.834.491
Tăng trong kỳ	4.433.039.773	3.944.828.823
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.169.730.889)	(7.716.055.936)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(249.945.995)
Xóa sổ	-	(27.406.811)
Số dư cuối kỳ	3.078.757.636	3.419.254.572

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	1.368.575.910	874.667.532
Đồng phục	571.926.700	90.000.000
Chi phí bảo hiểm	239.617.247	44.503.795
Chi phí khác	657.572.078	100.361.607
	2.837.691.935	1.109.532.934

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf	Công cụ và dụng cụ	Tổng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.481.757.931	1.602.660.651	3.084.418.582
Tăng trong kỳ	-	424.554.225	424.554.225
Phân bổ trong kỳ	(28.424.280)	(434.465.810)	(462.890.090)
	1.453.333.651	1.592.749.066	3.046.082.717

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả) được ghi nhận cho những khoản mục như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tài sản cố định	163.751.643	578.443.797
Dự phòng phải thu khó đòi	167.861.732	167.861.732
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10.142.940	213.428.726
Doanh thu chưa thực hiện	-	(123.709.856)
Chi phí phải trả và dự phòng	-	527.451.503
	341.756.315	1.363.475.902

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. – một bên liên quan	165.471.375.871	165.471.375.871	78.857.986.372	78.857.986.372
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam) – một bên liên quan	109.786.413	109.786.413	44.404.690	44.404.690
Các nhà cung cấp khác	14.916.093.100	14.916.093.100	15.582.848.619	15.582.848.619
	180.497.255.384	180.497.255.384	94.485.239.681	94.485.239.681

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2017 VND	Số đã phát sinh VND	Phân loại lại VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.559.010.620	74.837.129.343	(4.639.574.323)	(51.047.492.964)	25.709.072.676

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số đã phát sinh VND	Phân loại lại VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.488.693	-	-	(226.488.693)	-
Thuế thu nhập khẩu	-	158.263	-	-	158.263
	226.488.693	158.263	-	(226.488.693)	158.263

(c) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số đã phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	93.320.721.756	(42.273.228.792)	(51.047.492.964)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	264.955.110	5.175.321.396	(2.033.273.415)	(226.488.693)	3.180.514.398
Thuế thu nhập cá nhân	666.780.026	1.127.742.106	(1.512.290.008)	-	282.232.124
	931.735.136	99.623.785.258	(45.818.792.215)	(51.273.981.657)	3.462.746.522

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	209.852.652	200.987.541
Chi phí tiện ích	38.581.200	82.781.352
Chi phí khác	716.023.028	844.294.499
	<hr/>	<hr/>
	964.456.880	1.128.063.392
	<hr/>	<hr/>

16. Phải trả khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 20)	36.816.698.400	-
Phải trả khác	225.069.808	177.327.024
	<hr/>	<hr/>
	37.041.768.208	177.327.024
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong kỳ			30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	167.605.000.000	167.605.000.000	288.426.400.000	(236.168.000.000)	33.600.000	219.897.000.000	219.897.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	4,5 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 2%	15.953.000.000	63.798.000.000
Ngân hàng CTBC Bank Co., Ltd., Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	31.878.000.000	18.228.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (b)	1,5 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1%	18.216.000.000	11.392.500.000
Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,5%	40.986.000.000	50.506.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Đồng Nai (b)	65 tỷ VND	VND: 4,9% và có thể điều chỉnh cho từng giao dịch	40.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Anping (a)	2,5 triệu USD	LIBOR + 1,5%	11.385.000.000	13.680.000.000
Ngân hàng Mega International Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	2,7 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1%	61.479.000.000	-
			219.897.000.000	167.605.000.000

- a. Các khoản vay này được đảm bảo bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
b. Các khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	279.013.770.637	(272.840.000)	28.364.116.167	79.843.103.753	386.948.150.557
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	9.374.908.357	(9.374.908.357)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.593.734.420)	(1.593.734.420)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	36.951.935.757	36.951.935.757
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	279.013.770.637	(272.840.000)	37.739.024.524	105.826.396.733	422.306.351.894
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	11.846.837.938	11.846.837.938
Chia cổ tức thông qua việc phát hành cổ phiếu	27.885.680.000	-	-	(27.885.680.000)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	306.899.450.637	(272.840.000)	37.739.024.524	89.787.554.671	434.153.189.832
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	7.319.816.054	(7.319.816.054)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.244.368.729)	(1.244.368.729)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	27.861.305.387	27.861.305.387
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(36.816.698.400)	(36.816.698.400)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	306.899.450.637	(272.840.000)	45.058.840.578	72.267.976.875	423.953.428.090

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động của vốn cổ phần trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các cổ đông chính của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.	24.555.172	80%	24.555.172	80%
Các cổ đông khác	6.134.773	20%	6.134.773	20%
	30.689.945	100%	30.689.945	100%

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 12 tháng 4 năm 2017 đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 36.817 triệu VND (1.200 VND một cổ phiếu) (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: không).

Toàn bộ cổ tức đã được chi trả vào ngày 12 tháng 7 năm 2017.

21. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	4.329.658.481	4.329.658.481
Trong vòng hai đến năm năm	16.379.093.922	16.731.421.422
Trên năm năm	74.270.615.124	76.378.008.164
	94.979.367.526	97.439.088.067

(b) Ngoại tệ

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	293.301	6.657.922.199	511.745	11.624.588.924

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Bán thành phẩm	680.622.172.405	623.596.025.581
Bán hàng hóa	281.552.208	288.104.044
Cung cấp dịch vụ	399.943.300	406.897.060
	681.303.667.913	624.291.026.685

24. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán của		
▪ Thành phẩm đã bán	620.654.460.680	556.476.501.717
▪ Hàng hóa đã bán	219.819.562	213.255.612
▪ Dịch vụ đã cung cấp	75.940.494	82.494.430
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.736.994.686)	(212.761.856)
	619.213.226.050	556.559.489.903

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Lãi tiền gửi	4.365.854.735	4.984.418.560
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.939.963.977	3.126.731.052
	7.305.818.712	8.111.149.612

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí lãi vay	4.030.322.002	2.635.061.743
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.242.734.069	1.490.843.144
	7.273.056.071	4.125.904.887

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	585.975.573.868	502.180.621.144
Chi phí nhân công	32.117.017.843	30.854.044.095
Chi phí khấu hao	8.344.093.760	8.509.303.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.501.649.799	23.863.585.824
Chi phí khác	18.249.949.371	10.927.641.817

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	5.168.285.421	7.883.584.265
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những kỳ trước	7.035.975	(5.048.414)
	5.175.321.396	7.878.535.851
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	1.021.719.587	263.701.087
	6.197.040.983	8.142.236.938

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.058.346.370	45.094.172.695
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.108.751.956	6.764.125.904
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	372.034.589	773.183.736
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho Chi nhánh	364.443.593	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	344.774.870	609.975.712
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những kỳ trước	7.035.975	(5.048.414)
	6.197.040.983	8.142.236.938

(c) Thuế suất áp dụng

Trụ sở chính

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Vào ngày 6 tháng 9 năm 2007, Công ty đã điều chỉnh Giấy phép Đầu tư để tăng vốn điều lệ. Theo các quy định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, các hoạt động kinh doanh mở rộng sẽ được phân loại là dự án đầu tư mở rộng và thu nhập phát sinh từ các dự án này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20%.

Chi nhánh

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Chi nhánh, Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Chi nhánh được miễn thuế thu nhập trong 4 năm từ năm 2006 đến năm 2009 và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo từ năm 2010 đến năm 2013. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải của quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên, các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn phải được cơ quan thuế xem xét.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	27.861.305.387	36.951.935.757

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	30.680.582	27.892.014
Ảnh hưởng của chia cổ tức bằng cổ phiếu trong kỳ	-	2.788.568
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	30.680.582	30.680.582

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng (1/1/2017: không).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại kỳ/năm kết thúc, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.				
Mua nguyên vật liệu	572.742.677.351	389.759.887.507	164.567.578.765	78.692.398.845
Phí bản quyền và phí UL (*)	901.508.032	771.237.939	903.797.106	165.587.527
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)				
Cung cấp dịch vụ	387.943.300	381.897.060	-	-
Mua nguyên vật liệu	186.468.730	180.091.766	109.786.413	44.404.690
Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Taya (Việt Nam)				
Cung cấp dịch vụ	12.000.000	25.000.000	-	-
Nhân sự quản lý chủ chốt				
Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.244.368.729	1.593.734.420	-	-
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang – Chủ tịch	262.386.588	176.568.975	262.386.588	176.568.975

(*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Công ty và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. (một công ty liên quan), Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. và giấy chứng nhận UL của 13 sản phẩm. Cũng theo các thỏa thuận này, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.

Ngày 8 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Su Yu Chun
 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu

 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc